

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO HỌC SINH TIẾP CẬN THEO MÔ HÌNH GIÁO DỤC CẢM XÚC - XÃ HỘI

*A LITERATURE REVIEW ON THE APPLICATION
OF THE SOCIAL-EMOTIONAL LEARNING MODEL
TO THE TRAINING OF HIGH SCHOOL STUDENTS IN SOFT SKILLS*

TRẦN CHÍ VĨNH LONG, GIANG THIÊN VŨ^(*), LƯU THỊ HUYỀN TRANG^(**),

longtcv@hcmue.edu.vn

^(*)Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

^(**)Trường Đại học Á Châu, Đà Loan

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p><i>Ngày nhận: 02/10/2023</i> <i>Ngày nhận lại: 15/10/2023</i> <i>Duyệt đăng: 12/12/2023</i> <i>Mã số: TCKH-S04T12-2023-B02</i> <i>ISSN: 2354 - 0788</i></p> <p>Từ khóa: <i>Kỹ năng mềm; giáo dục cảm xúc - xã hội; giáo dục trung học.</i></p> <p>Key words: <i>Soft skills, social-emotional learning, high school.</i></p>	<p><i>Bài viết phân tích khái niệm kỹ năng mềm, giáo dục cảm xúc - xã hội (SEL, Social-emotional learning). Tổng quan tài liệu này đã xem xét mối quan hệ giữa các mô hình giáo dục cảm xúc - xã hội trong trường học và giáo dục kỹ năng mềm. Thứ hai, nó khám phá mối quan hệ giữa các kỹ năng cảm xúc - xã hội của học sinh và những kỹ năng mềm này theo từng quốc gia. Bài viết giúp cho các chuyên gia giáo dục, chuyên gia tâm lý học đường có thêm nền tảng lý thuyết về giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh tiếp cận theo mô hình giáo dục cảm xúc - xã hội để thực hành giáo dục kỹ năng cho học sinh.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>This article examines the notion of soft skills and social-emotional learning (SEL, Social-emotional learning). This literature review examined the connection between school-based models of social-emotional education and soft skills education. Second, it investigates the association between socioemotional skills and these soft skills by country. This article will aid educational experts, psychologists, and those with a more theoretical foundation on soft skills education for students in their understanding of the social-emotional education model to practice skills education.</i></p>

1. Đặt vấn đề

Các nhà giáo dục nói riêng và hệ thống giáo dục nói chung luôn rất quan tâm tới việc phát triển toàn diện về mọi mặt cho học sinh, nghĩa là không chỉ chú trọng bồi dưỡng những nền tảng kiến thức trên sách vở, học thuật mà còn quan tâm đến việc phát triển các kỹ năng cần thiết và phù hợp cho học sinh. Trong bối cảnh xã hội hiện tại, cuộc sống phát triển với tốc độ nhanh, thanh thiếu niên, trẻ em dành nhiều thời gian vào các thiết bị công nghệ hơn nên dần thiếu các kỹ năng xã hội cơ bản. Chính vì thế, việc giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội (SEL) có vai trò quan trọng cho học sinh và được nhiều nhà giáo dục học quan tâm nghiên cứu trên thế giới. Do đó, các chương trình SEL hỗ trợ tăng cường phát triển nhận thức - cảm xúc - xã hội, các hành vi tích cực, các mối quan hệ giữa các cá nhân đã được tích cực triển khai (Jones & Bouffard, 2012).

Tại Việt Nam, các chủ đề nghiên cứu về việc phát triển các kỹ năng mềm tiếp cận theo mô hình giáo dục cảm xúc - xã hội cho học sinh trung học phổ thông vẫn còn hạn chế. Các nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở việc nghiên cứu riêng lẻ, tập trung vào thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực SEL, hoặc rèn luyện kỹ năng mềm, hoặc tích hợp SEL vào rèn luyện kỹ năng, chưa có những nghiên cứu tập trung sâu vào việc ứng dụng mô hình SEL trong giáo dục kỹ năng mềm và xây dựng thành tài liệu riêng lẻ. Vì vậy, việc tìm hiểu những kỹ năng mềm cần thiết cho học sinh trong thời đại đổi mới theo mô hình SEL dựa trên những nghiên cứu lý thuyết là một việc làm cần thiết nhằm cung cấp những cơ sở lý luận làm nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo ở Việt Nam.

2. Một số khái niệm

2.1. Giáo dục cảm xúc - xã hội

Theo Zinsser và cộng sự (2013) thì giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội được định nghĩa là quá trình mà trẻ em và người lớn thu nhận và áp dụng có hiệu quả các kiến thức, thái độ, kỹ năng cần thiết để có thể hiểu và quản lý cảm xúc, thiết lập

và đạt được mục tiêu tích cực đã đề ra, thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, có trách nhiệm với quyết định của bản thân. Giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội bao gồm các phương pháp và kỹ thuật để thúc đẩy sức khỏe tâm thần và khả năng phục hồi, giảng dạy các kỹ năng xã hội và tình cảm, ngăn chặn các kết quả tiêu cực trong cuộc sống thông qua các chương trình ngoại khóa hiệu quả, SEL giúp nâng cao điểm mạnh của học sinh và ngăn ngừa các vấn đề như bạo lực, sử dụng ma túy hoặc bỏ học có hiệu quả (Greenberg và cộng sự, 2003). Thúc đẩy năng lực xã hội và tình cảm bao gồm khả năng hiểu và quản lý cảm xúc, đạt được mục tiêu tích cực, thể hiện sự quan tâm và lo lắng cho người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, và đưa ra quyết định có trách nhiệm là điều quan trọng để thành công ở trường và trong cuộc sống. Bên cạnh đó, chương trình SEL được thiết kế và triển khai tốt cũng có thể giúp tất cả học sinh và người lớn đối phó với công việc và thách thức một cách hiệu quả để đạt được thành công công việc và cuộc sống (Domitrovich và cộng sự, 2017).

2.2. Kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm giúp học sinh, sinh viên có thể thành công trong công việc và cuộc sống, là chìa khóa để thúc đẩy sự thành công. Kỹ năng mềm được biết đến với nhiều tên gọi như kỹ năng phi nhận thức, khả năng làm việc hoặc kỹ năng ở thế kỷ XXI (Balcar, 2014). Việc xác định kỹ năng mềm rất khó vì định nghĩa có thể thay đổi tùy thuộc vào ngữ cảnh, đặc biệt là vì một số kỹ năng có thể được coi là kỹ năng mềm trong một lĩnh vực cụ thể (Schultz, 2008). Kỹ năng mềm luôn là một khái niệm khó nắm bắt, sự gia tăng các loại kỹ năng mềm đã làm tăng thêm sự phức tạp này (Grugulis & Vincent, 2009). Bản chất của các kỹ năng mềm làm cho nó khó quan sát và đo lường. Chính vì thế, không có định nghĩa thống nhất về kỹ năng mềm mà mỗi ngành học, khu vực giáo dục và quốc gia định nghĩa các kỹ năng mềm theo nhu cầu riêng của họ

(Kechagias, 2011). Theo Từ điển tiếng Anh Collins (2018), kỹ năng mềm là “Những phẩm chất mong muốn cho một số hình thức việc làm mà không phụ thuộc vào kiến thức học được, chúng bao gồm: ý thức chung, khả năng đối xử với mọi người và thái độ linh hoạt tích cực”. Snell và cộng sự (2002) định nghĩa kỹ năng mềm: là “Kỹ năng, khả năng và đặc điểm liên quan đến tính cách, thái độ và hành vi hơn là kiến thức chính thức hoặc kỹ thuật”.

Một định nghĩa khác của Kechagias (2011): kỹ năng mềm là kỹ năng nội bộ và liên cá nhân, cần thiết cho sự phát triển cá nhân, tham gia xã hội và thành công tại nơi làm việc và cần được phân biệt với kỹ năng cứng. Kỹ năng mềm còn được định nghĩa là khả năng cần thiết của con người, kỹ năng mềm bao gồm nhưng không giới hạn ở: kỹ năng mềm giao tiếp, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng mềm chuyên nghiệp tại nơi làm việc, khả năng thích ứng, kỹ năng mềm trí tuệ xã hội, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức, đạo đức nơi làm việc... (Mahasneh, J. K., & Thabet, W, 2015). Các kỹ năng mềm có thể khác nhau, nhưng theo Gibb (2014) tất cả chúng đều có chung một mục đích là cải thiện sự phát triển cá nhân, tham gia học tập và thành công trong công việc. Và Robles (2012) cho rằng nếu kỹ năng cứng là chuyên môn kỹ thuật và kiến thức cần thiết cho một công việc thì kỹ năng mềm là phẩm chất giữa các cá nhân, còn được gọi là kỹ năng con người. Azim và cộng sự (2010) cũng cho rằng kỹ năng cứng là quy trình, công cụ và kỹ thuật trong khi kỹ năng mềm được coi là kỹ năng giải quyết các vấn đề của con người.

3. Một số nghiên cứu về việc áp dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội

Giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội (SEL) cung cấp một khung khái niệm để lập trình giải quyết hiệu quả nhu cầu của học sinh, đồng thời, giảm sự phân mảnh thường xảy ra từ các phản hồi cụ thể của vấn đề và sự thành công của họ

trong trường học và cuộc sống. Hiện nay, giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội đang được xem là trọng tâm quan trọng và cần thiết đối với các nhà giáo dục và các chuyên gia sức khỏe tâm thần tại trường học. Tại Hoa Kỳ, Weissberg và O'Brien (2004) đã cho thấy ngày nay các trường học phải giải quyết các nhu cầu xã hội và tình cảm của học sinh, để thúc đẩy sự phát triển lành mạnh về tình cảm và thể chất của chúng cũng như để đạt được thành tích học tập cao nhất. Merrell và cộng sự (2008) đã thực hiện 03 nghiên cứu để đánh giá các chương trình học tập xã hội-tình cảm Strong Kids và Strong Teens trong việc nâng cao kiến thức của học sinh về hành vi xã hội-tình cảm lành mạnh và giảm các triệu chứng ảnh hưởng tiêu cực và đau khổ về cảm xúc của họ. 3 nghiên cứu được thực hiện lần lượt trên 120 học sinh lớp 5; 65 học sinh lớp 7-8; và 14 học sinh trung học (lớp 9-12) từ một trường trung học giáo dục đặc biệt trong khu vực, những người được xác định là có rối loạn cảm xúc. Cả 3 nghiên cứu đều cho thấy rằng, sau khi tham gia vào các chương trình tương ứng, học sinh đã chứng minh được những thay đổi có theo hướng tốt và có những lợi ích nhất định. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho rằng việc nâng cao kiến thức về hành vi xã hội - tình cảm lành mạnh và phù hợp có thể cung cấp một yếu tố bảo vệ có thể dẫn đến việc học sinh đưa ra quyết định tốt hơn trong tương lai khi đối mặt với những thách thức về tình cảm và xã hội. Rutledge và cộng sự (2015) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các trường trung học khi thực hiện các chương trình học tập cảm xúc và xã hội, đồng thời cho thấy mối quan hệ giữa các yếu tố cảm xúc - xã hội và các hoạt động học tập. Williamson và cộng sự (2015) đã tiến hành đánh giá các chương trình SEL được thực hiện với học sinh trung học lớp 9-12 ở Hoa Kỳ và quan tâm về các chương trình có khả năng thực hiện các chương trình có thể áp dụng về mặt lý thuyết SEL cho các trường trung học. Nghiên cứu cho thấy: mặc dù, có một số chương trình SEL dành cho học sinh trung

học có sẵn nhưng phần lớn các chương trình này chưa được đánh giá cao. Nghiên cứu của Newman và Dusenbury (2015) cho rằng học sinh hiện nay cần biết bản thân có thể làm gì nếu muốn phát triển tốt với sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của xu hướng hiện đại và rõ ràng là các kỹ năng xã hội và tình cảm là một phần quan trọng phải có nếu họ muốn thực hiện. SEL cung cấp một cấu trúc để tổ chức giáo dục đảm bảo học sinh được trang bị cho tương lai, bên cạnh đó SEL cũng có hiệu quả trong việc thúc đẩy năng lực xã hội và giảm bớt các hành vi chống đối xã hội và các chương trình SEL có ảnh hưởng tích cực đến thái độ, hành vi và kỹ năng của thanh thiếu niên. Tương đồng với những quan điểm nghiên cứu trên, Yeager (2017) cũng nhận thấy thanh thiếu niên cần sự giúp đỡ về mặt tình cảm và xã hội khi chúng đang học cách giải quyết những yêu cầu mới trong cuộc sống ở trường học và ngoài xã hội phải đối mặt với những cảm xúc mới mãnh liệt (cả tích cực và tiêu cực). Mặt tích cực, Yeager nhận thấy rằng SEL có hiệu quả trong việc thay đổi khiến cho cuộc sống của thanh thiếu niên trở nên tốt đẹp hơn. Mahoney và cộng sự (2020) cũng đã chỉ ra rằng giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội là vấn đề quan trọng trong giáo dục do nhu cầu từ các nhà giáo dục, phụ huynh, học sinh và các nhà lãnh đạo doanh nghiệp cho thấy những tác động tích cực, rộng rãi đối với học sinh và người lớn.

Ở một số quốc gia châu Âu cũng có nhiều nghiên cứu được thực hiện để đánh giá các chương trình giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội. Tại Anh, Panayiotou và cộng sự (2019) cho rằng có sự thống nhất chung về lợi ích của các biện pháp can thiệp xã hội và tình cảm ở trường học liên quan đến trẻ em và năng lực cảm xúc - xã hội, sức khỏe tâm thần và thành tích học tập của thanh thiếu niên, đồng thời, năng lực cảm xúc - xã hội sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến kết quả học tập thông qua sự liên kết với trường học và những khó khăn về sức khỏe tâm thần. Các chương trình giáo dục năng lực tình

cảm và xã hội tại trường học nhằm cung cấp cho học sinh những kỹ năng cần thiết để đối phó với những thách thức trong cuộc sống, từ đó, nâng cao sức khỏe xã hội và tình cảm, kết quả học tập và giảm nguy cơ mắc các khó khăn về sức khỏe tâm thần. Chính vì thế, tại Cộng hòa Ireland, Dowling và cộng sự (2019) đã thực hiện một nghiên cứu trên 497 học sinh ở 32 trường tại Ireland thông qua đánh giá hiệu quả của một chương trình học tập cảm xúc - xã hội được thiết kế cho thanh thiếu niên lớn tuổi ở Ireland dựa trên phương pháp tiếp cận các yếu tố chung được củng cố bởi khuôn khổ của CASEL, đó là chương trình MindOut. Các phát hiện cho thấy rằng chương trình MindOut đã thành công trong việc tạo ra kết quả tích cực cho học sinh trong việc cải thiện sức khỏe tâm thần và phát triển kỹ năng xã hội và tình cảm như giảm các ức chế cảm xúc, tăng chiến lược đối phó tích cực, giảm đối phó tránh né và tăng đối phó hỗ trợ xã hội. Bên cạnh đó, MindOut cũng có thể cung cấp cho thanh thiếu niên những kỹ năng cần thiết để nâng cao khả năng đối phó với cuộc sống, vượt qua các tình huống căng thẳng, làm giảm nguy cơ gia tăng khó khăn tâm lý và cải thiện sức khỏe tinh thần cho học sinh. Các chương trình SEL dựa trên trường học đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc tạo ra kết quả tích cực cho thanh thiếu niên. Tuy nhiên, sự thay đổi trong chất lượng thực hiện có thể có tác động tiêu cực đến các hiệu ứng chương trình này, Dowling và Barry (2020) đã cho thấy chất lượng của chương trình MindOut cũng có sự khác nhau giữa các trường. Các yếu tố như người tham gia, giáo viên bối cảnh trường học và năng lực tổ chức có ảnh hưởng đến chất lượng của chương trình khi được thực hiện. Dowling và Barry (2020) cho thấy các chương trình SEL có hiệu quả trong việc tạo ra kết quả tích cực cho học sinh, nhưng khi chất lượng thực hiện kém thì các chương trình này thường mất tác dụng và không mang lại kết quả tích cực như mong đợi.

Ở các quốc gia châu Á, việc giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội cũng được quan tâm. Tại Indonesia, nghiên cứu của Kurniawan và Farozin (2019) cho thấy phát triển năng lực cảm xúc - xã hội là cần thiết cho học sinh lớp 10 trung học phổ thông. Năng lực học tập xã hội và cảm xúc được phản ánh trong nhận thức về bản thân, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ xã hội, và ra quyết định có trách nhiệm. Farozin và Kurniawan (2019) nhận định các chương trình tư vấn và hướng dẫn học tập dựa trên giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội là cần thiết, có hiệu quả và có thể thực hiện ở trung học phổ thông. Tại Philippines, Datu và Restubog (2020) đã thu thập dữ liệu từ 1351 học sinh trung học của Philippines cho thấy tính kiên trì và khả năng thích ứng có liên quan tích cực đến việc học tập theo cảm xúc - xã hội. Phân tích sâu hơn cho thấy rằng sự kiên trì và khả năng thích ứng có liên quan gián tiếp đến cảm xúc tích cực thông qua học tập cảm xúc - xã hội. Tại Trung Quốc, Chen và cộng sự (2021) đã thực hiện nghiên cứu để nâng cao hiểu biết về các yếu tố nhận thức - xã hội liên quan đến trải nghiệm của thanh thiếu niên Trung Quốc với việc sử dụng Internet có vấn đề, đồng thời xem xét mối liên hệ giữa năng lực học tập cảm xúc - xã hội và sử dụng Internet có vấn đề trong số 1141 học sinh lớp 11 trung học từ Tây Nam Trung Quốc. Các phát hiện cho thấy việc bồi dưỡng năng lực SEL có tác dụng quan trọng trong việc ngăn ngừa sử dụng Internet có vấn đề ở thanh thiếu niên Trung Quốc.

Tại Việt Nam, các vấn đề liên quan đến việc giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội cũng đã và đang được quan tâm, cũng như nhận được sự chú ý của các nhà giáo dục và ngày càng có vai trò quan trọng trong các chính sách, chương trình giáo dục ở nước ta. Nghiên cứu của Vũ Quang Tuyên (2016) đã khám phá những thách thức và cơ hội của việc dạy các kỹ năng xã hội - tình cảm trong các lớp học ở Việt Nam khi tham gia Chương trình Mùa hè Ephata tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả chỉ ra rằng, học sinh và giáo viên đã công nhận tầm quan trọng và hữu ích của

việc học tập theo cảm xúc - xã hội được giảng dạy trong môi trường học đường. Nghiên cứu của Trần Thị Tú Anh và Trịnh Thị Tú (2017) chỉ ra giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh đang được các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục trên thế giới quan tâm bởi vai trò của nó đối với sức khỏe thể chất và tinh thần, sự thành công trong học tập và cuộc sống. Các chương trình SEL thành công sẽ đem lại lợi ích trong việc cải thiện khả năng nhận thức của học sinh, làm cho học sinh gắn bó với trường lớp hơn, ít có hành vi lệch chuẩn hơn, phát triển tích cực hơn và có thành tích học tập tốt hơn, thành công hơn trong cuộc sống và môi trường học đường. Nghiên cứu về tình hình ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội của giáo viên vào hoạt động giáo dục bậc trung học cơ sở trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh, Huỳnh Văn Sơn và Nguyễn Thị Tú (2019) cũng cho thấy rằng đội ngũ giáo viên trung học cơ sở cần được tạo điều kiện để tiếp cận, nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng mô hình SEL vào hoạt động giáo dục ở trường trung học cơ sở. Việc phát triển giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh trung học là một quá trình tích hợp đòi hỏi sự tương tác giữa các thành phần khác nhau trong mô hình SEL. Kết quả cho thấy, năng lực SEL của học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam có mức trung bình. Điều này rất quan trọng để các nhà quản lý giáo dục cũng như giáo viên quan tâm xây dựng nội dung giáo dục phù hợp hơn cũng như phương pháp đánh giá đúng năng lực học sinh. Từ đó, tiến hành các phương pháp giảng dạy phù hợp với năng lực của học sinh để phát triển năng lực SEL của các em (Huỳnh Văn Sơn và cộng sự, 2019). Trong bối cảnh Việt Nam, giáo dục năng lực cảm xúc và xã hội còn được hiểu và áp dụng cho học sinh, sinh viên thông qua các chương trình kỹ năng sống, Nguyễn Thanh Bình (2008) đã thực hiện 1 thử nghiệm nhằm thẩm định tính bổ ích, tính phù hợp của các chủ đề giáo dục kỹ năng sống đã thiết kế, kết quả cho thấy thử nghiệm có tính hữu

ích, phù hợp và làm thay đổi về nhận thức, thái độ, định hướng hành vi của học sinh, đồng thời cũng cho rằng việc giáo dục phải mang lại cho mọi người không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ngày càng trở nên quan trọng trong nhiệm vụ giáo dục của nước ta.

4. Một số nghiên cứu về giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh

Tại Hoa Kỳ, kỹ năng mềm đang ngày càng có vai trò quan trọng, khi hiện nay thế giới đang trong giai đoạn toàn cầu hóa, năng lực của con người đặc biệt là các kỹ năng mềm càng trở nên cần thiết hơn khi phải đối mặt với nhiều cạnh tranh từ công việc, cuộc sống. Theo Packer (2013), để đối phó với sự cạnh tranh thì các cá nhân, cha mẹ và các nhà giáo dục đã đầu tư nhiều hơn về tiền của và thời gian vào việc giảng dạy các kỹ năng cho học sinh, khi nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng mềm sẽ làm thay đổi ý nghĩa của việc chuẩn bị cho học sinh vào đại học và nghề nghiệp và kỹ năng mềm sẽ ảnh hưởng đến các chương trình giáo dục từ mầm non cho đến trung học phổ thông. Nghiên cứu của Moore (2016) cũng cho rằng kỹ năng mềm được xác định là cần thiết để học sinh có thể thành công trong cuộc sống sau khi tốt nghiệp trung học, các hoạt động ngoại khóa có vai trò trong việc phát triển kỹ năng mềm cho học sinh đặc biệt là cấp bậc trung học phổ thông, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng học sinh và giáo viên nhận thấy rằng họ phát triển các kỹ năng mềm thông qua việc tham gia các hoạt động ngoại khóa. Trong nghiên cứu, Freeman (2017) tiến hành mô tả tính hiệu quả khi học sinh tham gia Chương trình giảng dạy Mô hình Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp. Kết quả phân tích cho thấy có sự gia tăng trung bình về kỹ năng mềm của những học sinh tham gia chương trình và so với những học sinh không tham gia, học sinh nhận thức được rằng sau khi tham gia chương trình các kỹ năng mềm như quản lý thời gian, quản lý cảm xúc, năng lực xã hội, vai trò lãnh

đạo,... có sự thay đổi đáng kể. Tương tự, nghiên cứu của Cheng và Hitt (2018) cho thấy rằng những học sinh khóa học CTE có kỹ năng mềm cao hơn trung bình và cao hơn so với những học sinh không tham gia khác, nghiên cứu cũng thể hiện các trường kỹ thuật - dạy nghề cải thiện các kỹ năng mềm, thiết lập mạng lưới việc làm hoặc cấp chứng chỉ cho học sinh của họ để giúp học sinh bước vào môi trường làm việc một cách thành công. Mặc dù học sinh trung học đã được đào tạo một số kỹ năng mềm tại trường học nhưng họ thiếu động lực để sử dụng kỹ năng mềm một cách nhất quán trong lớp học. Chính vì thế, các kỹ năng mềm cần được sử dụng một cách thường xuyên mà môi trường thực tập là cơ hội tốt để học sinh thực hành. Davlin-Pater và Rosencrum (2019) cho rằng học sinh chuyên ngành thể thao cũng phải phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp hiệu quả, sự đồng cảm, chính trực,... tất cả đều gắn với việc đào tạo các huấn luyện viên thể thao chất lượng. Phát triển kỹ năng mềm là một thành phần cấp thiết của việc giáo dục các huấn luyện viên thể thao trong tương lai và khi giáo dục đào tạo thể thao chuyển sang cấp độ thạc sĩ, việc bồi dưỡng kỹ năng mềm càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Ở các quốc gia châu Á, nơi tồn tại các nền văn hóa lâu đời với những nét đặc trưng, đánh giá con người không chỉ dựa trên năng lực hiện có mà còn đánh giá thông qua các phẩm chất, khả năng ứng xử của người đó thì kỹ năng mềm càng được chú trọng đầu tư trong giáo dục. Tại Indonesia, Hendarman và Tjakraatmadja (2012) quan điểm rằng trong nền kinh tế tri thức của thế kỉ XXI hiện nay thì kỹ năng mềm có tác động tích cực đến sự đổi mới kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng, điều này đòi hỏi sự sáng tạo của nhân viên mà kỹ năng mềm là một yếu tố không thể thiếu để có thể tiến hành đổi mới kỹ thuật. Martawijaya (2012) đã phát triển một mô hình học tập có thể cung cấp cho học sinh trung học phổ thông kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo tại chính

ngôi trường mà họ đang theo học với kỳ vọng sẽ cải thiện được năng lực và kỹ năng của học sinh. Kết quả cho thấy, mô hình sáu bước giảng dạy học tập tại nhà máy có thể được sử dụng để cải thiện năng lực của học sinh, mô hình này được học sinh ưa thích, đồng thời giúp nâng cao năng lực của học sinh, tăng thời gian làm việc và cải thiện các kỹ năng mềm, tạo ra động lực và tinh thần trách nhiệm, đạo đức làm việc cho học sinh trung học phổ thông. Khi nghiên cứu về mối liên hệ giữa kỹ năng mềm và khả năng giải quyết các vấn đề toán học, Murni và cộng sự (2013) cho thấy học sinh nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề toán học khi tiến hành học tập siêu nhận thức dựa trên kỹ năng mềm, học sinh phải tự thiết kế, giám sát và đánh giá các quá trình suy nghĩ và các hoạt động được thực hiện trong việc giải quyết vấn đề và để giải quyết vấn đề hiện có thì học sinh cần kết nối kiến thức trong quá khứ lẫn hiện tại, từ đó sử dụng các chiến lược, quy trình và giải pháp giải quyết vấn đề phù hợp. Nghiên cứu cũng cho thấy, trong mọi hoạt động của học sinh trong quá trình học tập, cần phát triển các giá trị kỹ năng mềm như: lễ phép, tự tin, độc lập, ham học hỏi, chăm chỉ, lịch sự, tôn trọng, trung thực, hợp tác để có thể phát huy được năng lực của học sinh một cách tối ưu. Một nghiên cứu khác, Ayuningtyas và cộng sự (2015) đã tiến hành nghiên cứu trên học sinh lớp 12 của trường trung học nghề nghiệp Kartika Malang và cho được kết quả học sinh cần nâng cao kỹ năng cứng và kỹ năng mềm trong khởi nghiệp kinh doanh. Nghiên cứu của Kusumawardani và Triyono (2017) cũng cho kết quả tương tự các nghiên cứu trên, cho thấy kỹ năng mềm có ảnh hưởng đáng kể đến sự thành công và khả năng quyết định của học sinh trong cuộc sống. Wulaningrum và Hadi (2019) đã thực hiện nghiên cứu nhằm xác định mức độ kỹ năng mềm của học sinh trường trung cấp nghề ở thành phố Yogyakarta, cho kết quả rằng kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân được đánh giá cao với giá trị trung bình là 3,15 và kỹ năng mềm được đánh

giá thấp của học sinh ở Yogyakarta là kỹ năng quản lý bản thân với giá trị trung bình là 2,81. Sự tồn tại của trình độ kỹ năng mềm của học sinh trường trung cấp nghề ở thành phố Yogyakarta ở mức trung bình là một yếu tố giúp đỡ học sinh có được công việc tốt phù hợp với kỹ năng và năng lực của họ. Nghiên cứu của Ariyanto và cộng sự (2020) cho rằng các kỹ năng mềm cũng ảnh hưởng đến sự sẵn sàng làm việc thông qua thành tích học tập và đào tạo trong công việc. Do đó, cần cung cấp các loại hình công việc phù hợp với chuyên môn năng lực của học sinh, tạo điều kiện để học sinh được thực hành, giáo viên thúc đẩy tích cực học sinh bước vào thế giới việc làm và tối ưu hóa việc học dựa trên kỹ năng mềm cho sinh viên trong quá trình dạy và học phù hợp với chương trình học.

Ở châu Phi, trong khi tình trạng thất nghiệp hàng loạt ở giới trẻ do các chương trình giảng dạy không phù hợp với bối cảnh kinh tế, các kỹ năng trong chương trình giảng dạy cũng chưa được phân tích để xem xét mức độ phù hợp của chúng với tình hình kinh tế, Okrah và cộng sự (2020) đã phát hiện ra rằng chương trình trung học phổ thông chỉ tập chung vào kiến thức và thái độ trong khi những kỹ năng mà nhà tuyển dụng yêu cầu lại tập trung vào việc áp dụng kiến thức. Có thể kết luận rằng chương trình đào tạo tại trường học giảng dạy cho học sinh các kiến thức chuyên môn và một số kỹ năng mềm, nhưng các kiến thức đó không phù hợp trong việc áp dụng vào thực tế mà nhà tuyển dụng thường yêu cầu đối với nhân viên tại môi trường làm việc.

Tại Việt Nam, kỹ năng mềm được phụ huynh và các nhà giáo dục đặc biệt quan tâm, hiện nay học sinh được tạo điều kiện phát triển kỹ năng mềm từ cấp một đến cấp ba. Trần Quang Trung và Swierczek (2009) đã thực hiện một cuộc khảo sát nhằm khám phá hiện trạng phát triển kỹ năng trong các trường đại học ở Việt Nam, kết quả cho thấy các kỹ năng có thể được phát triển một cách hiệu quả thông qua các bài

tập nhóm và cách tiếp cận học tập như nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm và thực hành phần mềm, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp. Trương Thị Thu Hằng & Laura (2013) cho rằng sự tập trung vào kỹ năng cứng mặc dù quan trọng, nhưng lại quá hạn chế để thực hiện công bằng cho mảng kỹ năng nguồn nhân lực hiện được coi là cần thiết để cạnh tranh hiệu quả trong bối cảnh quốc gia và đặc biệt là trên thị trường toàn cầu. Sinh viên không chỉ cần được cung cấp đào tạo năng lực trong thời kỳ công nghệ ở mức độ cao mà còn phải được đào tạo phát triển các kỹ năng mềm. Nguyễn Thị Thu Lan và Nguyễn Cảnh Linh (2013) phát biểu rằng sinh viên tốt nghiệp gặp nhiều khó khăn khi đi xin việc do thiếu các kỹ năng mềm, những kỹ năng mềm cần phải rèn luyện để đáp ứng được yêu cầu của cơ quan tuyển dụng đó là kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy, sáng tạo. Đồng quan điểm, Võ Hữu Phúc và cộng sự (2017) đã cho biết các kỹ năng mềm có ý nghĩa quan trọng đối với môi trường lao động hiện nay, đặc biệt là trong công nghệ thông tin, các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình cần thiết nhưng nhìn chung trong chương trình đào tạo cử nhân thì khả năng sinh viên có thể sử dụng các kỹ năng đó còn hạn chế. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, thời đại Công nghiệp 4.0 vừa mang lại cơ hội nhưng cũng đem đến không ít thách thức cho nền kinh tế nước ta, cũng như gây ra không ít thay đổi đến hệ thống giáo dục cả nước, Lê Thị Hiếu Thảo và cộng sự (2017) cho rằng trong thời đại này sinh viên đại học cần có sự thay đổi toàn diện từ nhận thức đến hành động để thích nghi với môi trường làm việc mới và không ngừng phát triển, để làm được việc này, ngoài việc đào tạo cho sinh viên những kiến thức chuyên môn vững chắc (kỹ năng cứng) thì cũng cần trang bị các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm để sinh viên tự tin và thành công hơn sau khi ra trường. Vì những kiến thức chuyên ngành của sinh viên trong quá trình học đại học

không còn là yếu tố quyết định đến thành công trong tương lai khi thế giới đang thay đổi theo từng ngày và đòi hỏi con người cần có các kỹ năng mềm để có thể thích ứng với những thay đổi đó. Nguyễn Thị Thủy và Nguyễn Thị Ngọc Anh (2019) cũng cho biết trong xã hội hiện đại, việc học tập và sử dụng kỹ năng mềm có vai trò hết sức cần thiết, thiếu kỹ năng mềm sinh viên sẽ gặp trở ngại trong quá trình học tập để tích lũy kiến thức và thiếu chủ động, tự tin trong cuộc sống và công việc sau này, do đó, kỹ năng mềm đã trở nên đặc biệt cần thiết trong hành trang của mỗi sinh viên khi ra trường.

5. Kết luận

Việc giáo dục kỹ năng mềm ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt đối với học sinh trong kỷ nguyên mới, giáo dục kỹ năng mềm giúp học sinh tự tin, bản lĩnh và định hướng rõ ràng hơn về tương lai nghề nghiệp của họ, giúp học sinh đáp ứng những yêu cầu trong bối cảnh lao động mới. Thực hiện mô hình SEL cải thiện các hành vi tích cực và giảm thiểu các hành vi tiêu cực của học sinh, giúp gia tăng thành tích học tập đáng kể của học sinh và thái độ của các em đối với trường học, đồng thời SEL cũng chuẩn bị cho học sinh sự sẵn sàng và thành công khi trưởng thành. Việc phát triển kỹ năng mềm cho học sinh dựa trên mô hình SEL là một vấn đề cấp bách trong bối cảnh giáo dục nhằm tạo ra một thế hệ lao động tiềm năng và phát triển toàn diện về mọi mặt. Có thể nói, hầu như các hướng nghiên cứu về SEL trong giáo dục đều tập trung trong việc nâng cao thành tích học tập, phát triển kỹ năng xã hội cho học sinh, các hướng nghiên cứu về việc đề xuất những chiến lược học tập, rèn luyện kỹ năng mềm chưa được đề cập sâu và có những nghiên cứu cụ thể, để có những định hướng phát triển năng lực, định hướng nghề nghiệp phù hợp. Tuyên bố về quyền lợi: Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ GD&ĐT trong đề tài mã số B2021-SPS-07.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, T., & Thúy, T. T. (2017). Phát triển năng lực cảm xúc - xã hội cho học sinh Lớp 3 thông qua dạy học môn Tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*. Trường Đại học Sư phạm Huế, 4(44), 72-81.
- Ariyanto, A., Wahyudin, A., & Martono, S. (2020). The Effect of Soft Skills to Student Work Readiness Through Learning Achievements and on the Job Training as Interviening Variable (Empirical Studies on Accounting Major of Vocational High School Students in Tegal Regency). *Journal of Economic Education*, 9(2), 118-124.
- Ayuningtyas, L. P., Djatmika, E. T., & Wardana, L. W. (2015). Hard and Soft Skills Enhancement in Entrepreneursip Learning for the Twelfth Grade Students of SMK Kartika IV-1 Malang. *Journal of Education and Practice*, 6(29), 188-194.
- Azim, S., Gale, A., Lawlor-Wright, T., Kirkham, R., Khan, A., & Alam, M. (2010). The importance of soft skills in complex projects. *International Journal of Managing Projects in Business*, 3(3), 387-401.
- Balcar, J. (2014). Soft skills and their wage returns: Overview of empirical literature. *Review of Economic Perspectives*, 14(1), 3-15.
- Bình, N. T. (2008). Thử nghiệm một số chủ đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 15, 174-182.
- Chen, C., Yang, C., & Nie, Q. (2021). Social-emotional learning competencies and problematic internet use among Chinese adolescents: a structural equation modeling analysis. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 18(6), 3091.
- Cheng, A., & Hitt, C. (2018). Hard Work and Soft Skills: The Attitudes, Abilities, and Character of Students in Career and Technical Education. *American Enterprise Institute*, 4, 1-29.
- Datu, J. A. D., & Restubog, S. L. D. (2020). The emotional pay-off of staying gritty: linking grit with social-emotional learning and emotional well-being. *British Journal of Guidance & Counselling*, 48(5), 697-708.
- Davlin-Pater, C., & Rosencrum, E. (2019). Promoting soft skill development in preprofessional athletic training students. *Athletic Training Education Journal*, 14(1), 73-79.
- Domitrovich, C. E., Durlak, J. A., Staley, K. C., & Weissberg, R. P. (2017). Social-emotional competence: An essential factor for promoting positive adjustment and reducing risk in school children. *Child Development*, 88(2), 408-416.
- Dowling, K., & Barry, M. M. (2020). Evaluating the implementation quality of a social and emotional learning program: A mixed methods approach. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(9), 3249.
- Dowling, K., Simpkin, A. J., & Barry, M. M. (2019). A cluster randomized-controlled trial of the mindout social and emotional learning program for disadvantaged post-primary school students. *Journal of Youth and Adolescence*, 48, 1245-1263.
- Farozin, M., & Kurniawan, L. (2019). Developing learning guidance and counseling program based on social and emotional learning in senior high school. *Jurnal Kajian Bimbingan dan Konseling*, 4(2), 47-52.
- Freeman, S. M. (2017). *An investigation of soft skill development of California Agricultural Education students participating in an FFA career development event* (Doctoral dissertation).

- Gibb, S. (2014). Soft skills assessment: Theory development and the research agenda. *International Journal of Lifelong Education*, 33(4), 455-471.
- Greenberg, M. T., Weissberg, R. P., O'Brien, M. U., Zins, J. E., Fredericks, L., Resnik, H., & Elias, M. J. (2003). Enhancing school-based prevention and youth development through coordinated social, emotional, and academic learning. *American Psychologist*, 58(6-7), 466-474.
- Grugulis, I., & Vincent, S. (2009). Whose skill is it anyway? 'soft' skills and polarization. *Work, Employment and Society*, 23(4), 597-615.
- Hendarman, A. F., & Tjakraatmadja, J. H. (2012). Relationship among soft skills, hard skills, and innovativeness of knowledge workers in the knowledge economy era. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 52, 35-44.
- <https://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/soft-skills>
- Huynh, S. V., Giang, V. T., Nguyen, T. T., & Tran, L. (2019). Correlations between Components of Social Emotional Learning of Secondary School Students in Ho Chi Minh City, Vietnam. *European Journal of Contemporary Education*, 8(4), 790-800.
- Huỳnh, V. S., & Nguyễn, T. T. (2019). Thực trạng ứng dụng mô hình giáo dục năng lực cảm xúc - xã hội SEL của giáo viên vào hoạt động giáo dục bậc trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai*, 12, 1-9.
- Jones, S. M., & Bouffard, S. M. (2012). Social and Emotional Learning in Schools: From Programs to Strategies. Social Policy Report. *Society for Research in Child Development*, 26(4), 1-33.
- Kechagias, K. (2011). *Teaching and assessing soft skills*. Neapolis, Greece. Thessaloniki Press
- Kurniawan, L., & Farozin, M. (2019). Assesment Social and Emotional Learning (SEL) Competence in Senior High School (SMA). *Indonesian Journal of Learning Education and Counseling*, 2(1), 46-51.
- Kusumawardani, H., & Triyono, M. B. (2017). The Soft Skill of Fashion Student for Entrepreneurship. *Proceedings of the 1st International Conference on Social, Applied Science and Technology in Home Economics*, 9, 26-30.
- Lê, T. H. T. (2017). Đổi mới tư duy nhận thức về kỹ năng mềm trong sinh viên thời đại công nghiệp 4.0. *Kỷ yếu Hội nghị Giáo dục trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0*, 5, 236-238.
- Lê, T. H. T., Võ, M. H., Lê, T. L. A., & Lê, V. Q. (2018). *Định hướng Mô hình giáo dục Kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu*, Đề tài Nghiên cứu Khoa học, Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Mahasneh, J. K., & Thabet, W. (2015). Rethinking construction curriculum: A descriptive cause analysis for the soft skills gap among construction graduates. *Proceedings of the 51st ASC Annual International Conference Proceedings*, 35, 1-8.
- Mahoney, J. L., Weissberg, R. P., Greenberg, M. T., Dusenbury, L., Jagers, R. J., Niemi, K., ... & Yoder, N. (2021). Systemic social and emotional learning: Promoting educational success for all preschool to high school students. *American Psychologist*, 76(7), 1128-1142.
- Martawijaya, D. H. (2012). Developing a teaching factory learning model to improve production competencies among mechanical engineering students in a vocational senior high school. *Journal of Technical Education and Training*, 4(2), 45-56.
- Merrell, K. W., Juskelis, M. P., Tran, O. K., & Buchanan, R. (2008). Social and emotional learning in the classroom: Evaluation of strong kids and strong teens on students' social-emotional knowledge and symptoms. *Journal of Applied School Psychology*, 24(2), 209-224.

- Moore, S. D. (2016). *A qualitative case study: A study on the relationship between soft skills and participation in co-curricular activities at two rural Kansas high schools* (Doctoral dissertation).
- Murni, A., Sabandar, J., Kusumah, Y. S., & Kartasamita, B. G. (2013). The Enhancement of Junior High School Students' Abilities in Mathematical Problem Solving Using Soft Skill-Based Metacognitive Learning. *Indonesian Mathematical Society Journal on Mathematics Education*, 4(2), 194-203.
- Newman, J., & Dusenbury, L. (2015). Social and emotional learning (SEL): A framework for academic, social, and emotional success. In *Prevention science in school settings: Complex relationships and processes* (pp. 287-306). New York, NY: Springer.
- Nguyen, T. T. L., & Nguyen, C. L. (2013). Kỹ năng mềm với sinh viên ngành sư phạm. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 5, 1-10.
- Okrah, A. K., Ampadu, E., & Yeboah, R. (2020). Relevance of the Senior High School Curriculum in Ghana in Relation to Contextual Reality of the World of Work. *Journal of Curriculum and Teaching*, 9(1), 1-14.
- Packer, A. (2013). Soft skills: Needed for entering the middle class. *Proceedings of the Decline of the Middle Classes around the World*, 11, 1-49.
- Panayiotou, M., Humphrey, N., & Wigelsworth, M. (2019). An empirical basis for linking social and emotional learning to academic performance. *Contemporary Educational Psychology*, 56, 193-204.
- Robles, M. M. (2012). Executive perceptions of the top 10 soft skills needed in today's workplace. *Business Communication Quarterly*, 75(4), 453-465.
- Rutledge, S. A., Cohen-Vogel, L., Osborne-Lampkin, L. T., & Roberts, R. L. (2015). Understanding effective high schools: Evidence for personalization for academic and social emotional learning. *American Educational Research Journal*, 52(6), 1060-1092.
- Schultz, B. (2008). The importance of soft skills: Education beyond academic knowledge. *NAWA Journal of Language and Communication*, 146-154.
- Schulz, B. (2008). The importance of soft skills: Education beyond academic knowledge. *Journal of Language and Communication*, 6, 146-154.
- Snell, S., Snell-Siddle, C., & Whitehouse, D. (2002). Soft or hard boiled: Relevance of soft skills for IS professionals. *Proceedings of the 15th Annual Conference of the National Advisory Committee on Computing Qualifications*, 7, 403-408.
- Thủy, N. T., & Anh, N. T. N. (2019). Định hướng bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tại trường Đại học Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 30, 77-85.
- Trung, T. Q., & Swierczek, F. W. (2009). Skills development in higher education in Vietnam. *Asia Pacific Business Review*, 15(4), 565-586.
- Truong, T. T. H., & Laura, R. S. (2013). The effects of educating for soft skills on success in career development among graduates at universities of economics and business Administration in Vietnam. *Proceedings of the Second Annual Higher Degree Student-led Conference*, 11, 105-119.
- Vo, H. P., Berglund, A., & Daniels, M. (2017, April). A perspective from Vietnamese students on teaching of soft skills. In *2017 International Conference on Learning and Teaching in Computing and Engineering (LaTICE)* (pp. 23-24). IEEE.

- Vu, T. Q. (2016). Teaching social and emotional skills to students in Vietnam: Challenges and opportunities. *AsTEN Journal of Teacher Education*, 1(1), 1-9.
- Weissberg, R. P., & O'Brien, M. U. (2004). What works in school-based social and emotional learning programs for positive youth development. *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*, 591(1), 86-97.
- Williamson, A. A., Modecki, K. L., & Guerra, N. G. (2015). SEL programs in high school. In J. A. Durlak, C. E. Domitrovich, R. P. Weissberg, & T. P. Gullotta (Eds.), *Handbook of social and emotional learning: Research and practice* (pp. 181–196). The Guilford Press.
- Wulaningrum, T., & Hadi, S. (2019). Soft skills profile of vocational school students in Yogyakarta City for entering the industrial world. *Jurnal Pendidikan Vokasi*, 9(3), 217-228.
- Yeager, D. S. (2017). Social and emotional learning programs for adolescents. *The Future of Children*, 27(1), 73-94.
- Zinsser, K. M., Weissberg, R. P., & Dusenbury, L. (2013). Aligning Preschool through High School Social and Emotional Learning Standards: A Critical and Doable Next Step. *Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning*, 11, 1-8.